



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Ứng dụng myhsc

Hãy trải nghiệm ngay tại



Mục lục

I. Lưu ý khi Đăng nhập

Lưu ý khi Đăng nhập	1
---------------------	---

II. Thiết lập sử dụng

Thay đổi, lựa chọn ngôn ngữ	2
Thay đổi chế độ nền	3
Cài đặt đăng nhập bằng Face ID (iOS), Vân tay	4

III. Thao tác cơ bản để xem và đặt lệnh

ĐỐI VỚI DANH SÁCH MÃ CHỨNG KHOÁN	
Sắp xếp bằng cách bấm vào tiêu đề cột	5
Xem chi tiết mã Chứng khoán và Hợp đồng tương lai bằng cách bấm vào mã hoặc dòng	6
Đặt lệnh nhanh bằng cách bấm chọn giá	7
ĐỐI VỚI MÀN HÌNH CHI TIẾT MÃ CHỨNG KHOÁN	
Đặt lệnh Mua/Bán bằng cách bấm chọn 3 bước giá bên Mua/Bán	8

IV. Tính năng chính

XEM THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG	
Cung cấp cái nhìn tổng thể về thị trường theo sản phẩm: Cổ phiếu, Phái sinh, Chứng quyền, ETF	
Danh sách chỉ số, Chỉ số cơ bản của thị trường, Chi tiết rõ cổ phiếu của từng chỉ số	9
Danh sách Hợp đồng Tương lai	10
Danh sách Chứng quyền	11
Danh sách ETF	12
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DANH SÁCH YÊU THÍCH	
Xem danh sách mã nắm giữ	13
Xem danh sách mã yêu thích	14
Thêm mới mã yêu thích vào Danh mục mong muốn tương ứng	15
Thêm mới mã từ trang chi tiết Chứng khoán cho vào danh mục yêu thích	16
Quản lý danh sách	17

V. Giao diện Sổ lệnh

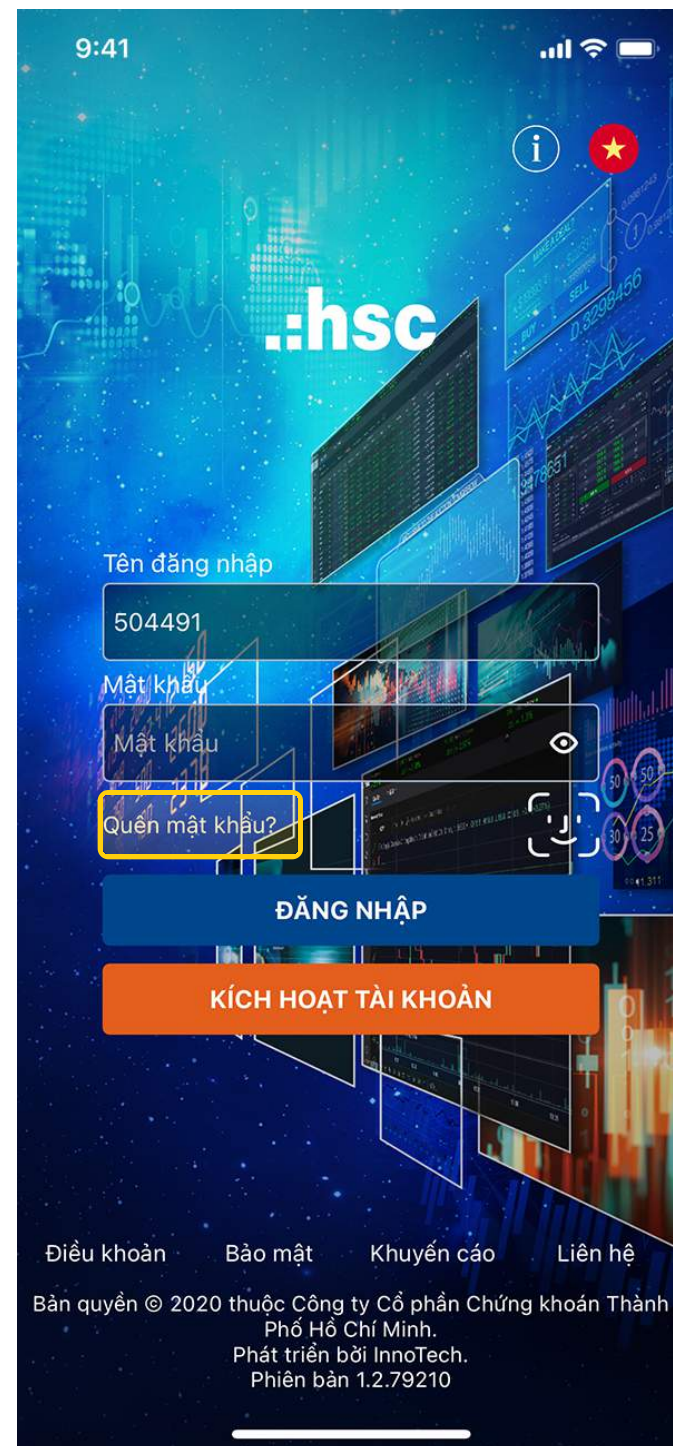
Xem chi tiết lệnh và chỉnh sửa lệnh	18
-------------------------------------	----

VI. Giao diện Tài sản

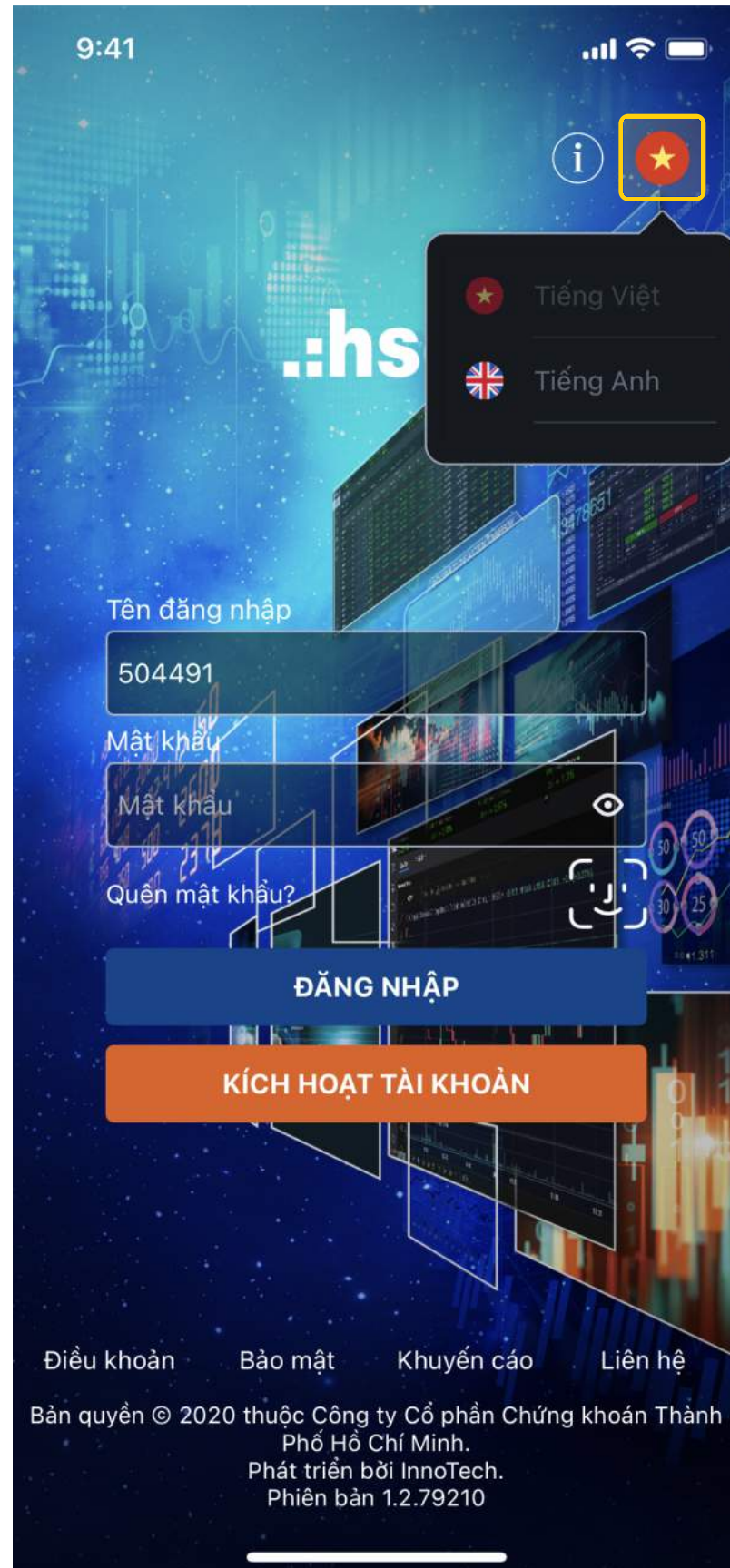
Tổng quan tài sản	19
Số dư tiền	20
Lãi / lỗ	21

VII. Giao diện Chuyển tiền

22



Trong trường hợp đăng nhập và báo sai mật khẩu, Quý khách chọn tính năng Quên mật khẩu để khởi tạo mật khẩu mới.



Thay đổi ngôn ngữ

TRƯỚC KHI ĐĂNG NHẬP

Để lựa chọn ngôn ngữ sử dụng, bấm chọn Icon  để lựa chọn ngôn ngữ Tiếng Việt, chọn Icon  để lựa chọn ngôn ngữ Tiếng Anh

SAU KHI ĐĂNG NHẬP

Chọn **Mở rộng (More)** và bấm chọn vào  để thay đổi ngôn ngữ.



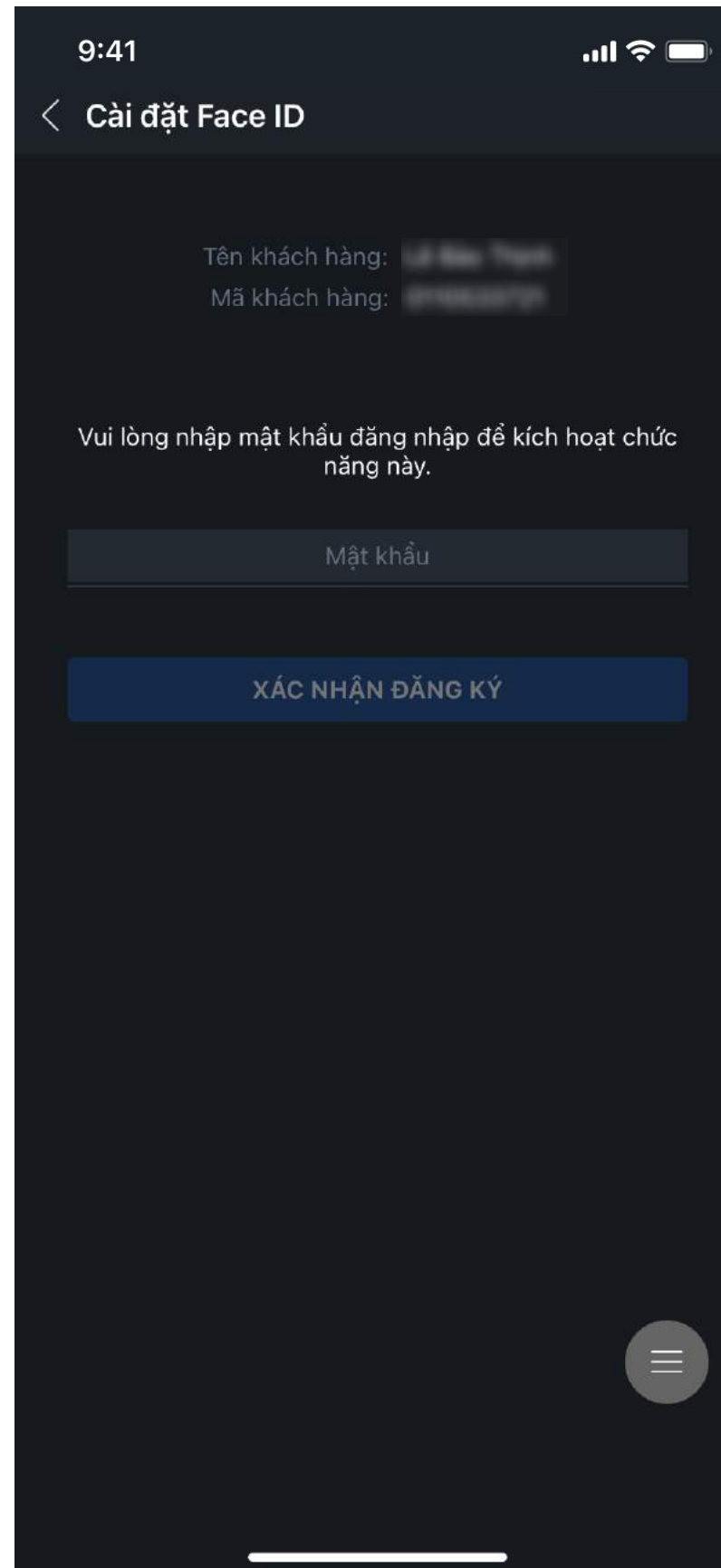
Thay đổi chế độ nền

Trong giao diện Mở rộng

Để thay đổi chế độ nền:

Chọn Icon  để lựa chọn chế độ nền sáng

Chọn Icon  để lựa chọn chế độ nền tối



Đăng nhập bằng FaceID (iOS), Vân tay

Trong giao diện **Mở rộng**, chọn **Cài đặt Face ID** để kích hoạt tính năng đăng nhập bằng Face ID/ Vân tay

9:41

Chỉ số

Chỉ số

Giá

TĐ

%TĐ

VNX50IDX	1,954.16	+11.87	+0.61%
VNXALLIDX	1,804.38	+10.28	+0.57%
VNSIIDX	1,672.09	+6.63	+0.40%
VNFINLEADIDX	1,516.81	+9.90	+0.66%
VNDIAMONDIDX	1,396.33	+3.89	+0.28%
VN30IDX	1,186.43	+5.84	+0.49%
VNIDX	1,179.68	+6.18	+0.53%
HNX30IDX	354.21	+0.86	+0.24%
HNXIDX	231.70	+0.52	+0.23%
UPCOMIDX	76.41	+0.28	+0.37%

Chỉ số

Phái sinh

Chứng quyền

Thị trường

Danh mục

Sổ lệnh

Tài sản

Mở rộng

9:41

< VN30IDX

Tổng quan

Mã chứng khoán

Mã CK	Giá	TĐ	%TĐ	GT
MWG	137.50	-0.10	-0.07%	73.57B
VJC	131.70	-0.10	-0.08%	50.99B
VIC	110.50	+1.50	+1.38%	82B
VNM	107.60	-0.40	-0.37%	189.38B
VHM	106.00	+2.90	+2.81%	352.61B
VCB	101.50	+0.20	+0.20%	73.59B
MSN	94.90	0.00	0.00%	63.94B
GAS	88.30	-0.60	-0.67%	63.59B
PNJ	85.90	-1.00	-1.15%	25.57B
NVL	80.50	+0.20	+0.25%	79.46B
FPT	77.40	+0.80	+1.04%	114.56B
PDR	63.70	-1.20	-1.85%	149.68B
BVH	61.30	-0.20	-0.33%	20.61B
REE	58.00	-0.60	-1.02%	23.97B
PLX	57.30	+1.10	+1.96%	80.54B
BID	44.20	+0.10	+0.23%	2B

Thị trường

Danh mục

Sổ lệnh

Tài sản

Mở rộng

ĐỐI VỚI DANH SÁCH MÃ CHỨNG KHOÁN

Sắp xếp mã chứng khoán

Bấm chọn vào mỗi tiêu đề của cột tương ứng để sắp xếp theo thứ tự tăng giảm hoặc alphabet

9:41

< VNX50IDX

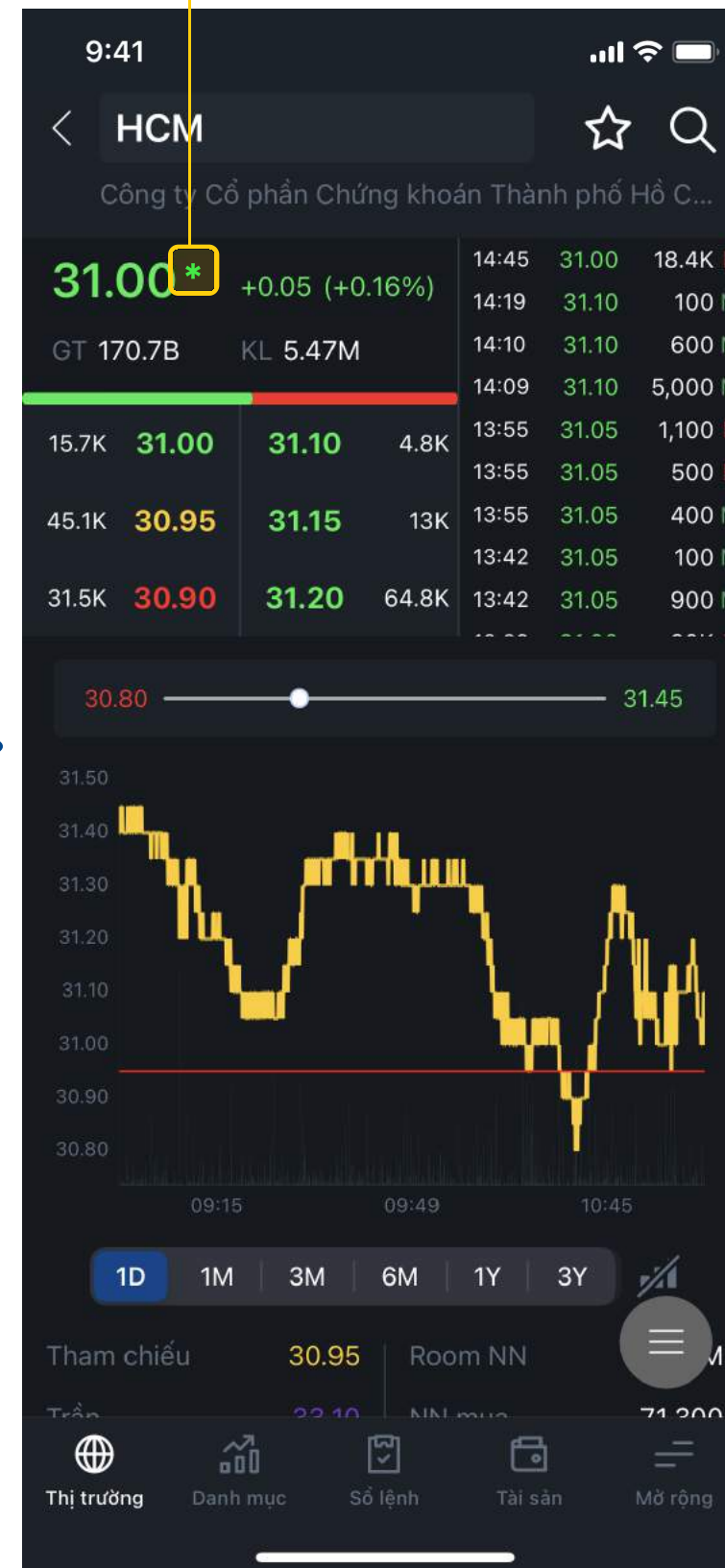
Tổng quan Mã chứng khoán

Mã CK	Giá	TĐ	%TĐ	GT
EIB	18.80	+0.35	+1.90%	23.83B
FLC	6.10	-0.40	-6.15%	99.57B
FPT	77.90	0.00	0.00%	141.97B
GAS	91.00	-0.90	-0.98%	127.72B
GEX	22.75	+0.20	+0.89%	204.68B
GMD	34.00	-0.35	-1.02%	66.24B
HCM	31.00	+0.05	+0.16%	170.7B
HDB	26.70	+0.90	+3.49%	217.56B
HPG	46.70	+0.50	+1.08%	1,106.72B
HSG	27.90	-0.10	-0.36%	317.1B
KBC	39.25	-0.05	-0.13%	164.21B
KDH	32.80	+0.30	+0.92%	44.36B
MBB	28.10	-0.25	-0.88%	3,003B
MSN	90.90	-0.40	-0.44%	93.57B

Thị trường Danh mục Sổ lệnh Tài sản Mở rộng



(*) : Giá tạm tính ở phiên ATO, ATC



ĐỐI VỚI DANH SÁCH MÃ CHỨNG KHOÁN

Xem chi tiết mã Chứng khoán

Bấm vào mỗi dòng tương ứng để xem thông tin chi tiết của từng mã chứng khoán.

9:41

< VN30IDX

Tổng quan

Mã chứng khoán

Mã CK	Giá	TĐ	%TĐ	GT
BID	44.10	0.00	0.00%	65.31B
BVH	61.20	-0.30	-0.49%	35.14B
CTG	37.20	+0.20	+0.54%	410.59B
FPT	77.00	+0.40	+0.52%	171.41B
GAS	88.60	-0.30	-0.34%	99.27B
HDB	25.95	+0.40	+1.57%	163.1B
HPG	43.30	-0.15	-0.35%	909.49B
KDH	33.90	0.00	0.00%	39.98B
MBB	26.70	-0.15	-0.56%	510.27B
MSN	94.90	0.00	0.00%	108.27B
MWG	137.00	-0.60	-0.44%	132.68B
NVL	80.60	+0.30	+0.37%	128.15B
PDR	64.00	-0.90	-1.39%	230.08B
PLX	57.00	+0.80	+1.42%	116.29B
PNJ	85.40	-1.50	-1.73%	54.31B
POW	12.95	-0.10	-0.77%	9.9B

Thị trường

Danh mục

Sổ lệnh

Tài sản

Mở rộng



9:41

< VN30IDX

Tổng quan

Mã chứng khoán

Mã CK	Giá	TĐ	%TĐ	GT
BID	44.10	+0.50	+1.15%	58.86B

CTG

Sức mua2,927,260

Tỷ lệ ký quỹ (%)0.00%

KL có thể mua | KL có thể bán- | -

Số dư tiền2,927,260

LO

38

0

Chờ giao dịch-

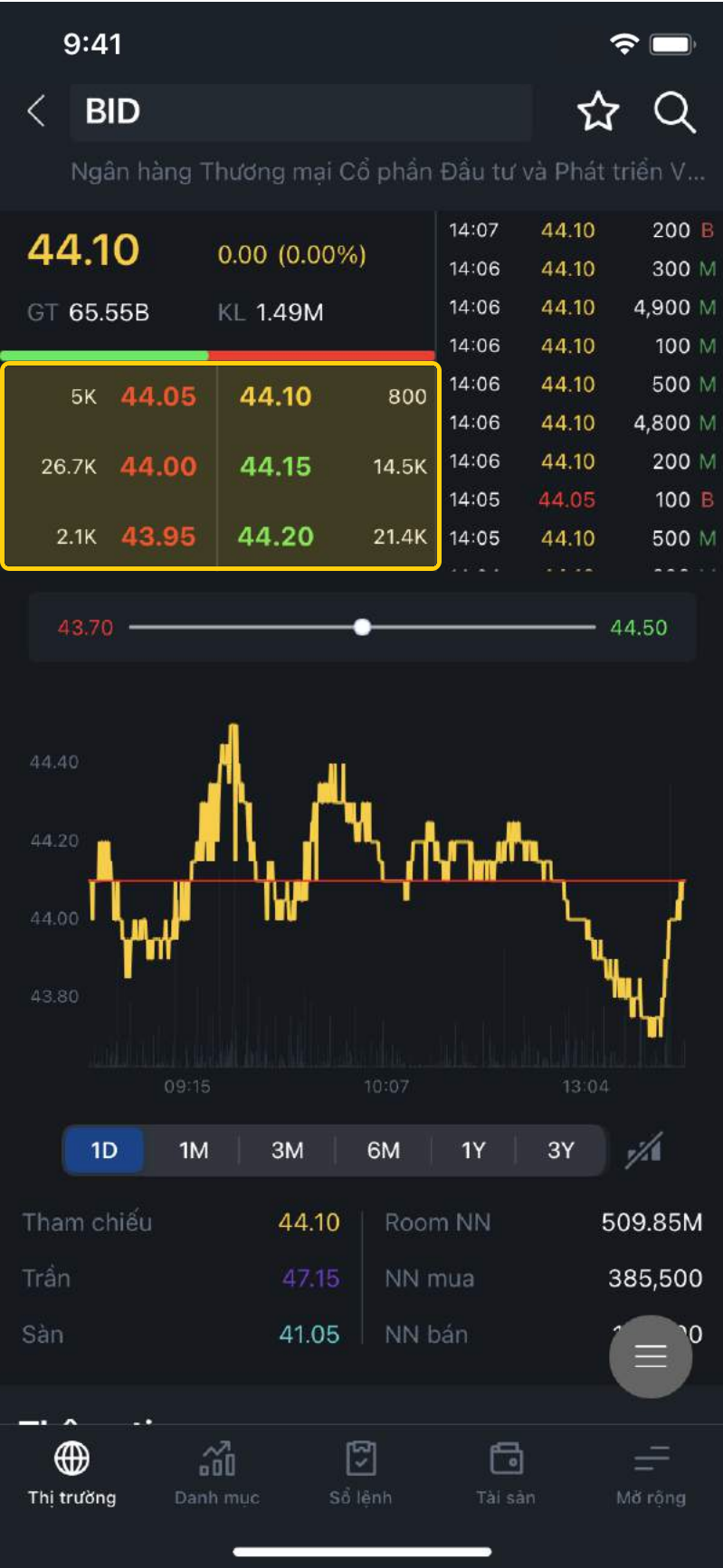
KL mua	Mua	Bán	KL bán
41.6K	37.95	38.00	108.4K
138.3K	37.90	38.05	123.6K
91.1K	37.85	38.10	244.2K

MUABÁN

ĐỐI VỚI DANH SÁCH MÃ CHỨNG KHOÁN

Hướng dẫn đặt lệnh

Bấm vào giá tương ứng với mã chứng khoán để mở nhanh **Tab đặt lệnh**.

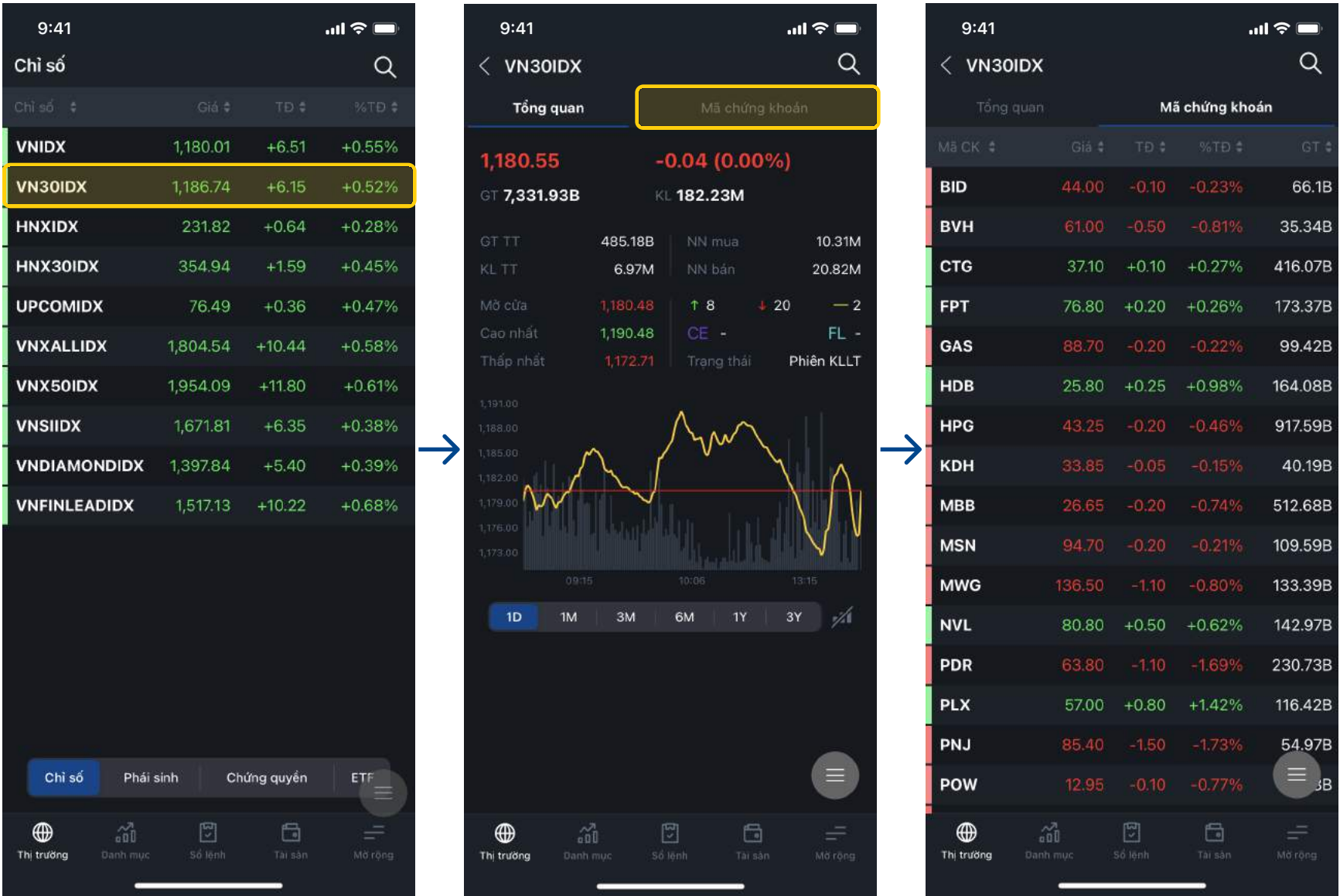


The screenshot shows the order entry screen for 'BID' stock. It displays the current price 44.10 and a +0.50 (+1.15%) change. Below this, there are fields for 'Sức mua' (2,927,260), 'Tỷ lệ ký quỹ (%)' (0.00%), 'KL có thể mua | KL có thể bán' (- | -), and 'Số dư tiền' (2,927,260). The 'LO' dropdown is set to 'MUA'. The price input field shows '44' and the quantity input field shows '0'. At the bottom, there are 'MUA' and 'BÁN' buttons.

ĐỐI VỚI MÀN HÌNH CHI TIẾT MÃ CHỨNG KHOÁN

Hướng dẫn đặt lệnh

Tại màn hình chi tiết Chứng khoán, bấm chọn 1 trong **3 bước giá** bên Mua hoặc bên Bán để mở nhanh **Tab đặt lệnh**.



XEM THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Danh sách chỉ số

Từ màn hình chi tiết Chỉ số, bấm chọn chỉ số bất kỳ để xem thông tin Tổng quan về chỉ số đó và Mã chứng khoán thuộc chỉ số (nếu có).

9:41

Phái sinh

Mã HĐ	Giá	TĐ	%TĐ	ĐL
VN30F2103	1,196.0	+18.0	+1.53%	+9.26
VN30F2104	1,198.0	+15.2	+1.29%	+11.26
VN30F2106	1,198.0	+14.5	+1.23%	+11.26
VN30F2109	1,198.9	+13.3	+1.12%	+12.16

Chỉ số Phái sinh Chứng quyền ETF

Thị trường Danh mục Sổ lệnh Tài sản Mở rộng



XEM THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Danh sách Hợp đồng tương lai

Bấm vào mỗi dòng tương ứng để xem thông tin tổng quan của từng Hợp đồng tương lai chỉ số

9:41

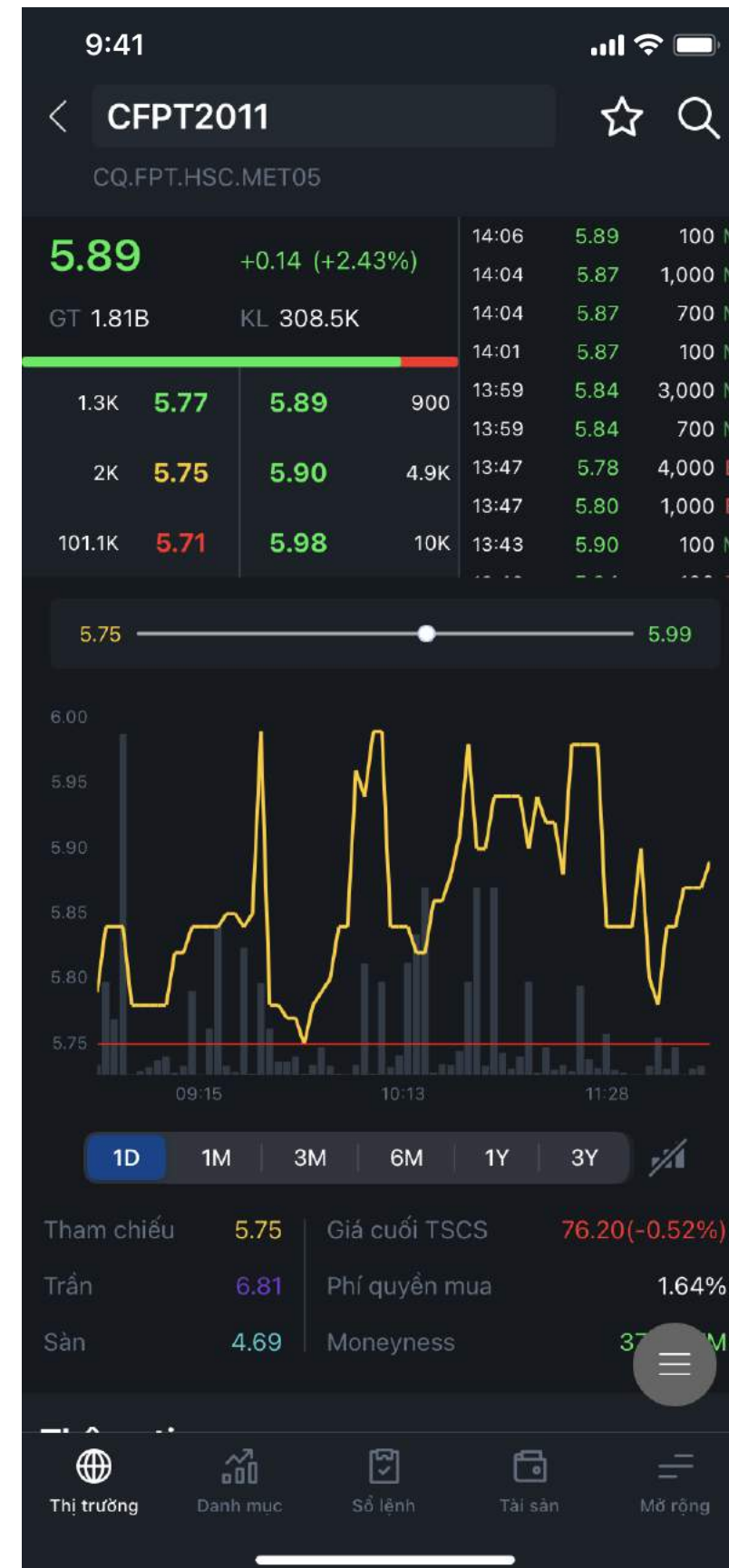
Chứng quyền

Chứng quyền HSC

Mã CK	Giá	TĐ	%TĐ	GT
CFPT2011	5.89	+0.14	+2.43%	1.81B
CFPT2012	5.36	+0.06	+1.13%	1.29B
CHPG2021	9.35	-0.65	-6.50%	1.46B
CHPG2022	9.00	+0.01	+0.11%	2.52B
CMBB2009	5.92	-0.14	-2.31%	2.12B
CMSN2011	9.00	-0.10	-1.10%	310.91M
CMWG2015	4.05	-0.03	-0.74%	1.41B
CMWG2016	3.40	-0.12	-3.41%	918.56M
CPNJ2009	3.59	-0.15	-4.01%	846.61M
CREE2006	4.12	-0.24	-5.50%	588.36M
CSTB2012	6.02	+0.17	+2.91%	1.44B
CTCB2010	8.55	-0.10	-1.16%	2.62B
CVHM2009	3.53	+0.22	+6.65%	1.83B
CVHM2010	3.45	+0.14	+4.23%	1.29B
CVIC2006	2.60	+0.10	+4.00%	740.93M

Chứng quyền

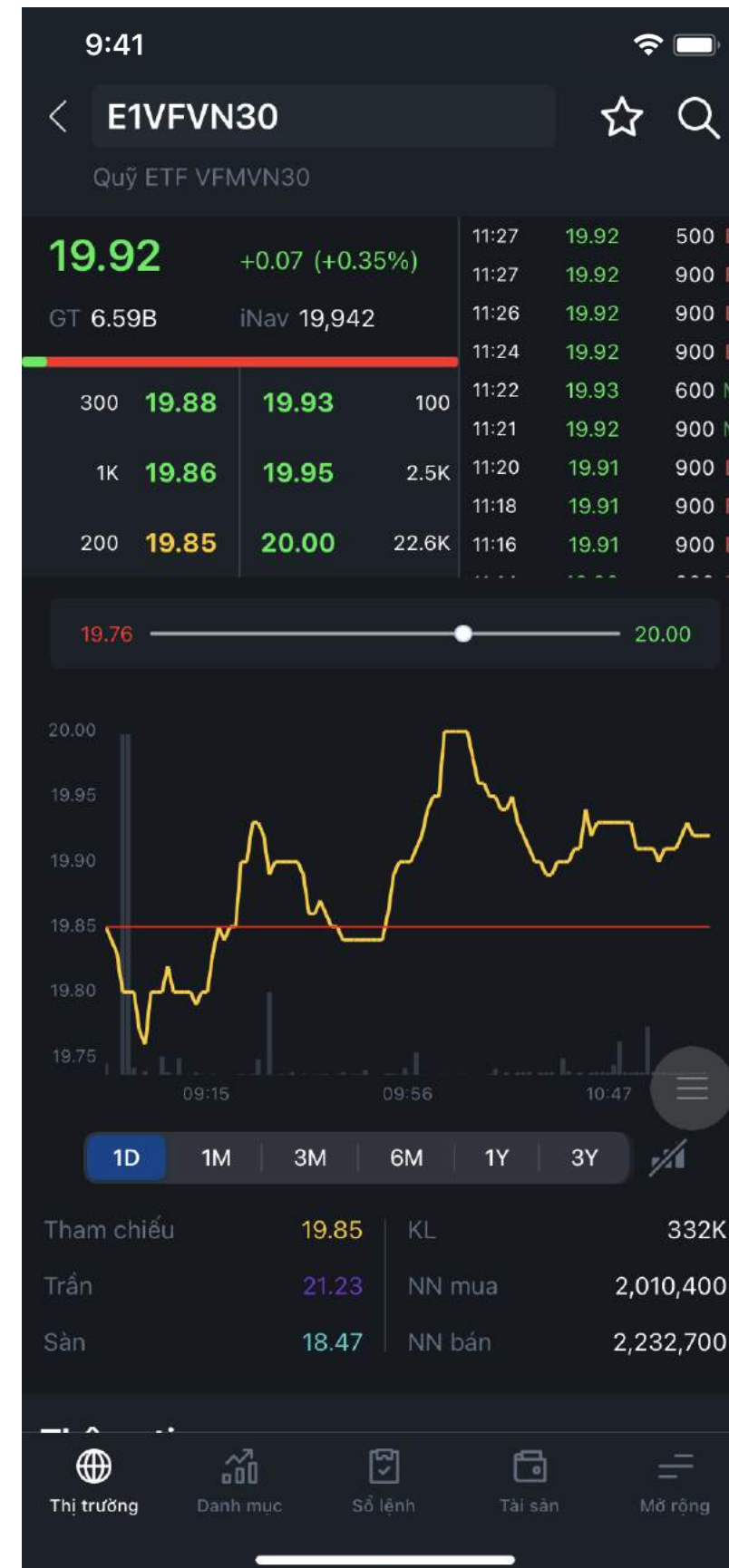
Thị trường



XEM THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Danh sách Chứng quyền

Từ màn hình danh sách Chỉ số, bấm chọn chỉ số muốn xem để mở thông tin Tổng quan về chỉ số đó và Danh sách chứng khoán thành phần thuộc chỉ số (nếu có).



XEM THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Danh sách ETF

Từ màn hình chi tiết ETF, bấm chọn mã ETF muốn xem để xem thông tin Tổng quan về mã ETF đó.

9:41

Danh mục 1

Mã CK

Giá

TĐ

%TĐ

GT

BID	41.65	+0.40	+0.97	12.80 B
BID	81.20	+1.00	+1.25	22.10 B
CTD	24.25	+0.20	+0.83	21.03 B
CTG	17.15	+0.15	+0.88	1.08 B
EIB	48.80	-0.25	-0.51	26.43 B
FPT	73.10	-0.90	-1.25	9.06 B
GAS	27.15	+0.45	+1.69	9.15 B
HDB	28.30	-0.40	-1.43	74.47 B
HPG	56.20	-0.20	-1.17	17.00 B
MBB	83.40	-0.50	-0.60	22.84 B
MSN	60.40	+1.10	+1.85	16.98 B
MWG	10.10	+0.05	+0.50	13.59 B

Thị trường

Danh mục

Sổ lệnh

Tài sản

Mở rộng



9:41

Danh mục

Danh mục 1

Danh mục 2

Danh mục 3

Danh mục 3

Mã nắm giữ

+

Tạo danh mục mới

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DANH SÁCH MÃ YÊU THÍCH

Xem danh sách mã nắm giữ

Từ Danh mục, bấm chọn **Mã nắm giữ**, chọn **Tạo danh mục** để tạo danh mục gồm các mã yêu thích.

9:41

Danh mục 1

Mã CK

Giá

TĐ

%TĐ

GT

BID	41.65	+0.40	+0.97	12.80 B
BID	81.20	+1.00	+1.25	22.10 B
CTD	24.25	+0.20	+0.83	21.03 B
CTG	17.15	+0.15	+0.88	1.08 B
EIB	48.80	-0.25	-0.51	26.43 B
FPT	73.10	-0.90	-1.25	9.06 B
GAS	27.15	+0.45	+1.69	9.15 B
HDB	28.30	-0.40	-1.43	74.47 B
HPG	56.20	-0.20	-1.17	17.00 B
MBB	83.40	-0.50	-0.60	22.84 B
MSN	60.40	+1.10	+1.85	16.98 B
MWG	10.10	+0.05	+0.50	13.59 B

Thị trường

Danh mục

Sổ lệnh

Tài sản

Mở rộng



9:41

Danh mục

Danh mục 1

Danh mục 2

Danh mục 3

Danh mục 3

Mã nắm giữ

+

Tạo danh mục mới

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DANH SÁCH MÃ YÊU THÍCH

Xem danh sách mã yêu thích

Từ Danh mục, bấm chọn **Mã nắm giữ** để Tạo danh mục mới hoặc chuyển đến giao diện danh mục yêu thích khác.

9:41

Danh mục 1 ▾

+

Mã CK	Giá	TĐ	%TĐ	GT
AAS	7.60	0.00	0.00%	9.02B
AAM	11.20	+0.10	+0.90%	63.89M
AAA	14.40	+0.10	+0.70%	53.28B
AAV	13.60	-0.10	-0.73%	5.79B
ABB	13.00	0.00	0.00%	9.31B
ABC	17.00	+0.20	+1.19%	490.65M

Thị trường Danh mục Sổ lệnh Tài sản Mở rộng



9:41

Tìm kiếm myhsc

CHỨNG KHOÁN

A32
Công ty Cổ phần 32

AAA
CTCP NHUA&MT XANH AN PHAT

AAM
Công ty Cổ Phần Thủy Sản Mê Kông

AAS
AAS

AAV
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc

ABB
ABB

HOÀN TẤT

Tìm kiếm myhsc Xong

Q W E R T Y U I O P

A S D F G H J K L

↑ Z X C V B N M ↵

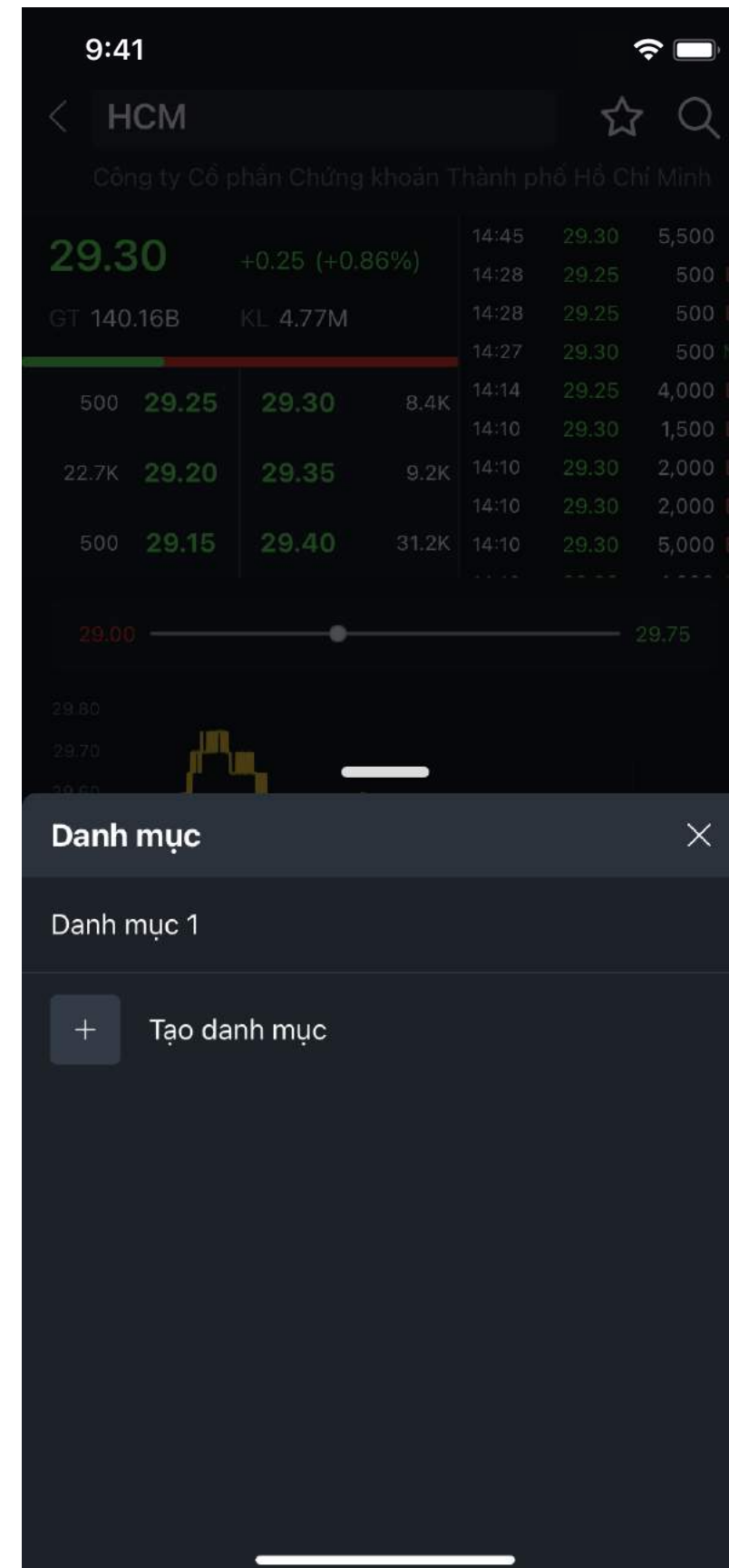
123 😊 dấu cách Xong

🌐 🎤

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DANH SÁCH MÃ YÊU THÍCH

Thêm mới mã yêu thích vào Danh mục mong muốn tương ứng

Từ Danh mục, bấm chọn  chọn mã mong muốn, chọn **Hoàn tất**.



QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DANH SÁCH MÃ YÊU THÍCH

Thêm mới mã từ trang chi tiết Chứng khoán cho vào danh mục yêu thích

Tại màn hình mã chi tiết, nhấn chọn biểu tượng  để thêm mã vào Danh mục yêu thích.

9:41

Danh mục 1 ▾

+

...

Mã CK ▾	Giá ▾	TĐ ▾	%TĐ ▾	GT ▾
AAS	7.60	0.00	0.00%	9.25B
AAM	11.20	+0.10	+0.90%	63.89M
AAA	14.40	+0.10	+0.70%	53.28B
AAV	13.60	-0.10	-0.73%	5.79B
ABB	12.90	-0.10	-0.77%	9.44B
ABC	17.00	+0.20	+1.19%	507.65M

Thị trường

Danh mục

Sổ lệnh

Tài sản

Mở rộng



9:41

Danh mục 1 ▾

+

...

Mã CK ▾	Giá ▾	TĐ ▾	%TĐ ▾	GT ▾
AAS	7.60	0.00	0.00%	9.25B
AAM	11.20	+0.10	+0.90%	63.89M
AAA	14.40	+0.10	+0.70%	53.28B
AAV	13.60	-0.10	-0.73%	5.79B
ABB	12.90	-0.10	-0.77%	9.44B
ABC	17.00	+0.20	+1.19%	507.65M

Quản lý danh mục

✕

⇌ Quản lý chứng khoán
Xóa, Thêm hoặc thay đổi Chứng khoán

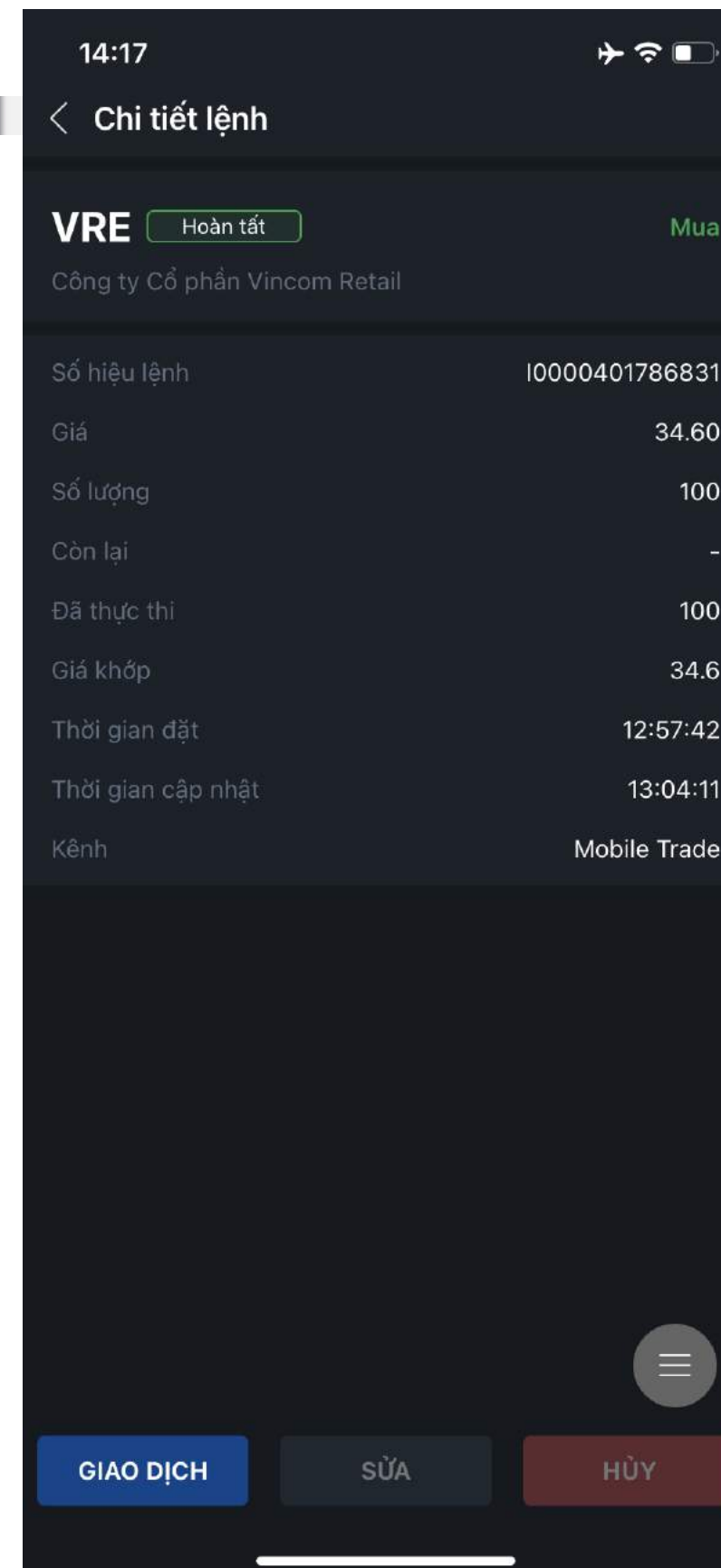
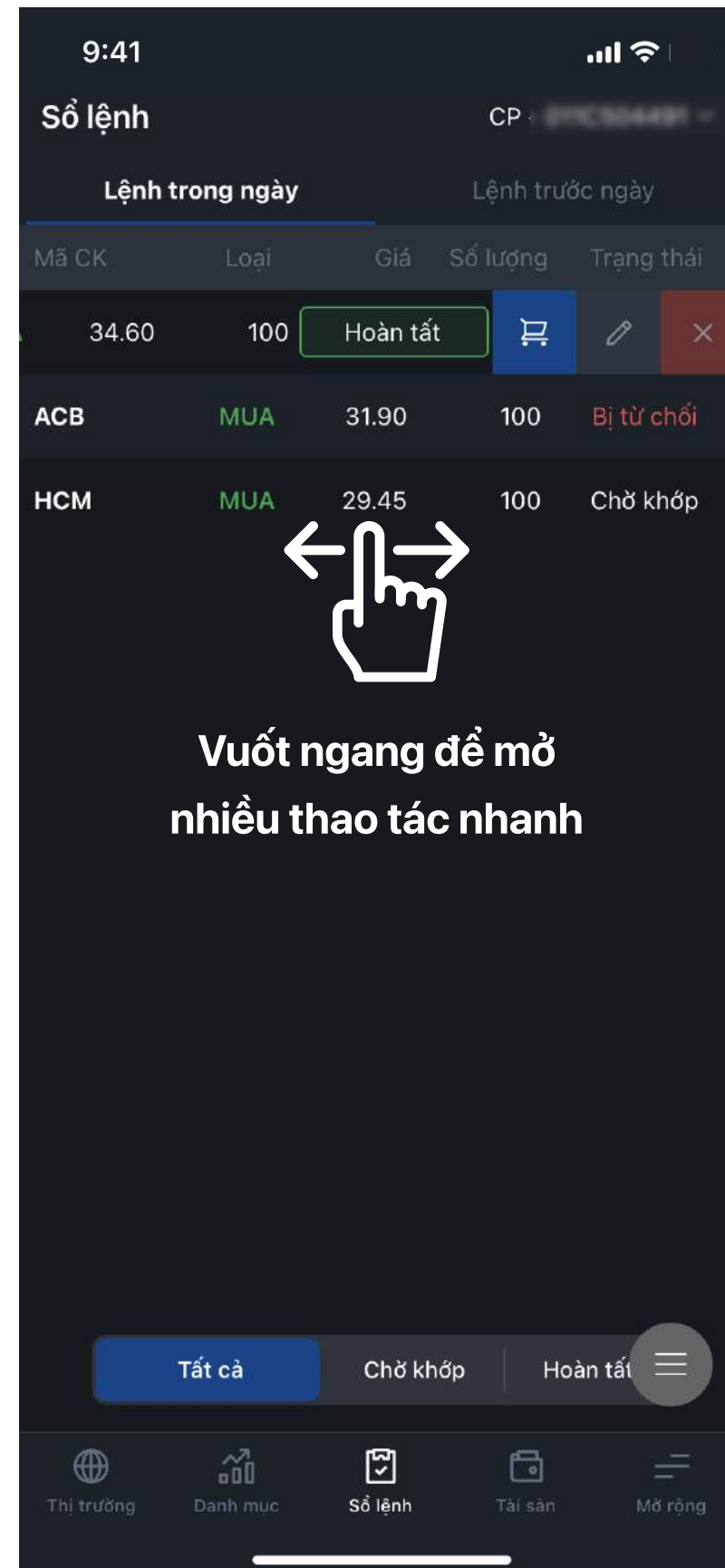
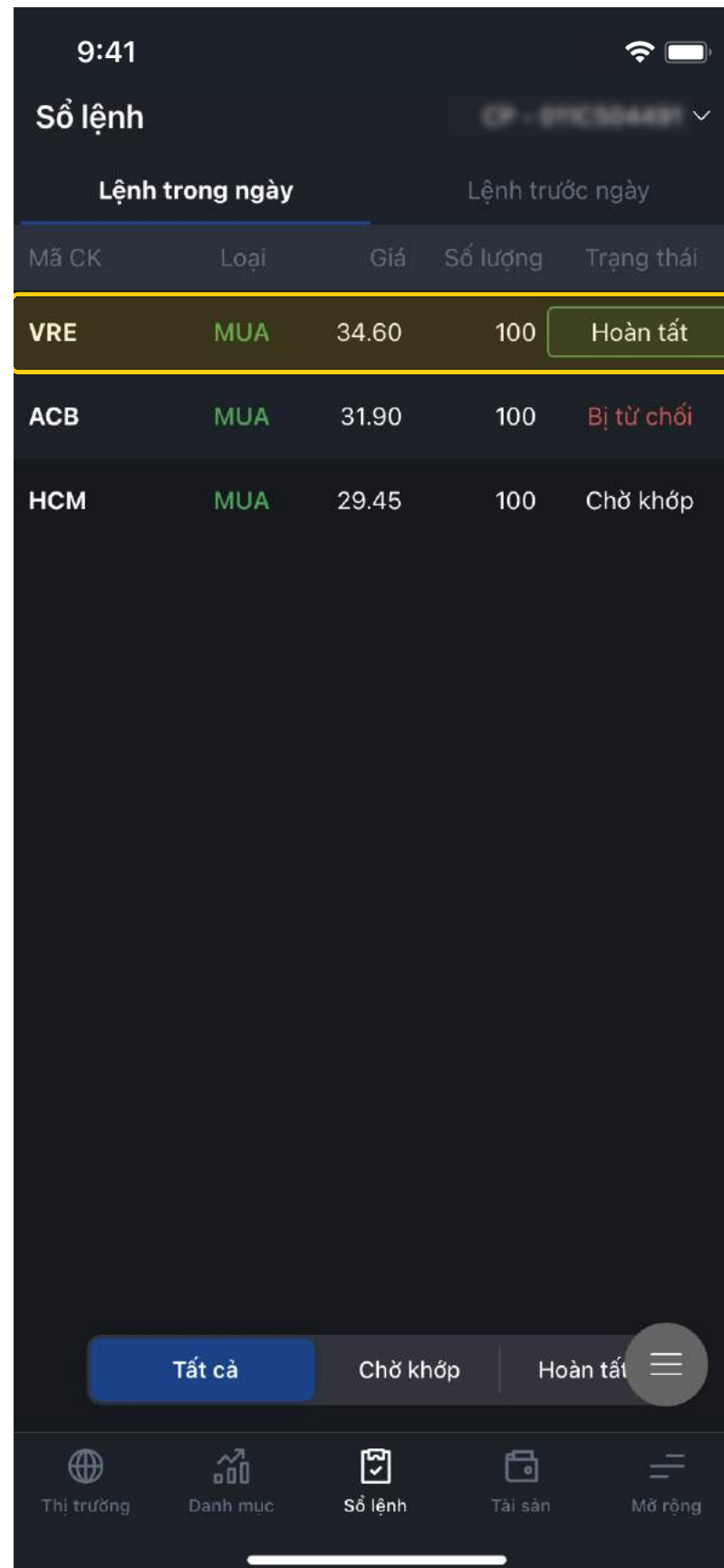
🏠 Đặt danh mục mặc định

🗑️ Xóa danh mục

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DANH SÁCH MÃ YÊU THÍCH

Quản lý danh sách

Bấm chọn **...** để thực hiện các thao tác: Quản lý chứng khoán, Đặt danh mục mặc định và Xóa danh mục.



Xem chi tiết lệnh và chỉnh sửa lệnh

Màn hình số lệnh có thể xem **Lệnh trong ngày**, **Lệnh trước ngày**

- Nhấn chọn vào lệnh để Chỉnh sửa lệnh; hoặc
- Vuốt ngang vào lệnh để mở thao tác Sửa/ Hủy lệnh đã chọn

9:41

Tài sản

Tổng quan

Số dư tiền

Lãi/Lỗ

Số dư tiền	50,089,343,324
Giá trị thị trường	61,630,700
Số dư ký quỹ	50,150,974,024
Ngưỡng KQ ban đầu	50,686,368
Tỷ lệ ký quỹ (%)	98,943.70%
Phần dư ký quỹ	50,100,287,656

Mã CK	Có thể bán	Chờ về	Tổng hợp
HCM	1,370	0	1,470
MSN	0	100	100
SSI	150	24	174
VRE	0	100	100



9:41

Chi tiết mã nắm giữ

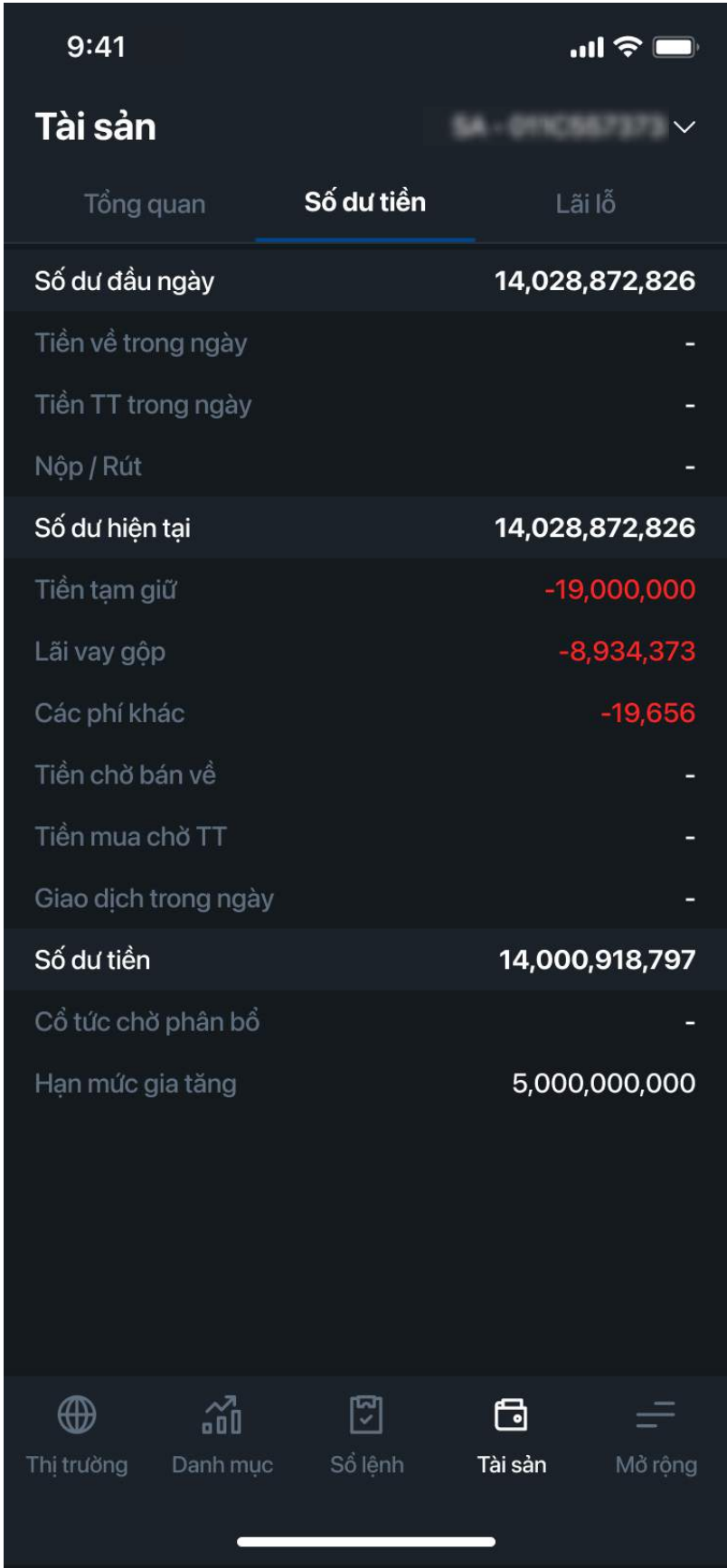
Mã CK	HCM
Tổng khối lượng	1,470
Có thể bán	1,370
Tạm giữ Hưởng quyền	- -
T1 Mua Bán	- -
T2 Mua Bán	- -
Giữ chờ TT	-
Giá TT ⓘ	29.40
Giá trị thị trường	43,218,000
Tỉ lệ KQ ban đầu	100%
Yêu cầu KQ ban đầu	43,218,000

MUA

BÁN

Tổng quan tài sản

Cung cấp thông tin tổng hợp về số dư tiền và chứng khoán nắm giữ.
Trong danh sách Mã chứng khoán nắm giữ, nhấn chọn Mã CK để xem chi tiết hoặc đặt lệnh Mua/Bán nhanh.



Số dư tiền

Cung cấp thông tin số dư tiền đầu ngày, Số dư hiện tại và các khoản làm thay đổi tăng/giảm số dư tiền trong ngày

9:41

Tài sản

SA-011C867373

Tổng quan

Số dư tiền

Lãi/Lỗ

Số dư tiền

270,000,000

Giá trị thị trường

921,597,680

Mã CK

Tổng

Giá

Lãi lỗ

FPT

100

51.20

+120,000

GAS

200

76.40

+8,020,000

HAG

1,000

8.67

+4,000,000

HCM

4,000

31.00

42,470,000

HPG

42,764

4.8

-238,623,000

HAG

4,000

18.72

-4,920,000

Currency Unit is kVND

Thị trường

Danh mục

Số lệnh

Tài sản

Mở rộng



9:41

< Chi tiết mã nắm giữ

Mã CK

HCM

Tổng

1370

GD

-

Bán

-

Chờ về

-

Tạm giữ

-

Giá mua TB

15.59

Giá thị trường

31.00

Lãi / lỗ tạm tính

42,470,000

% lãi / lỗ tạm tính

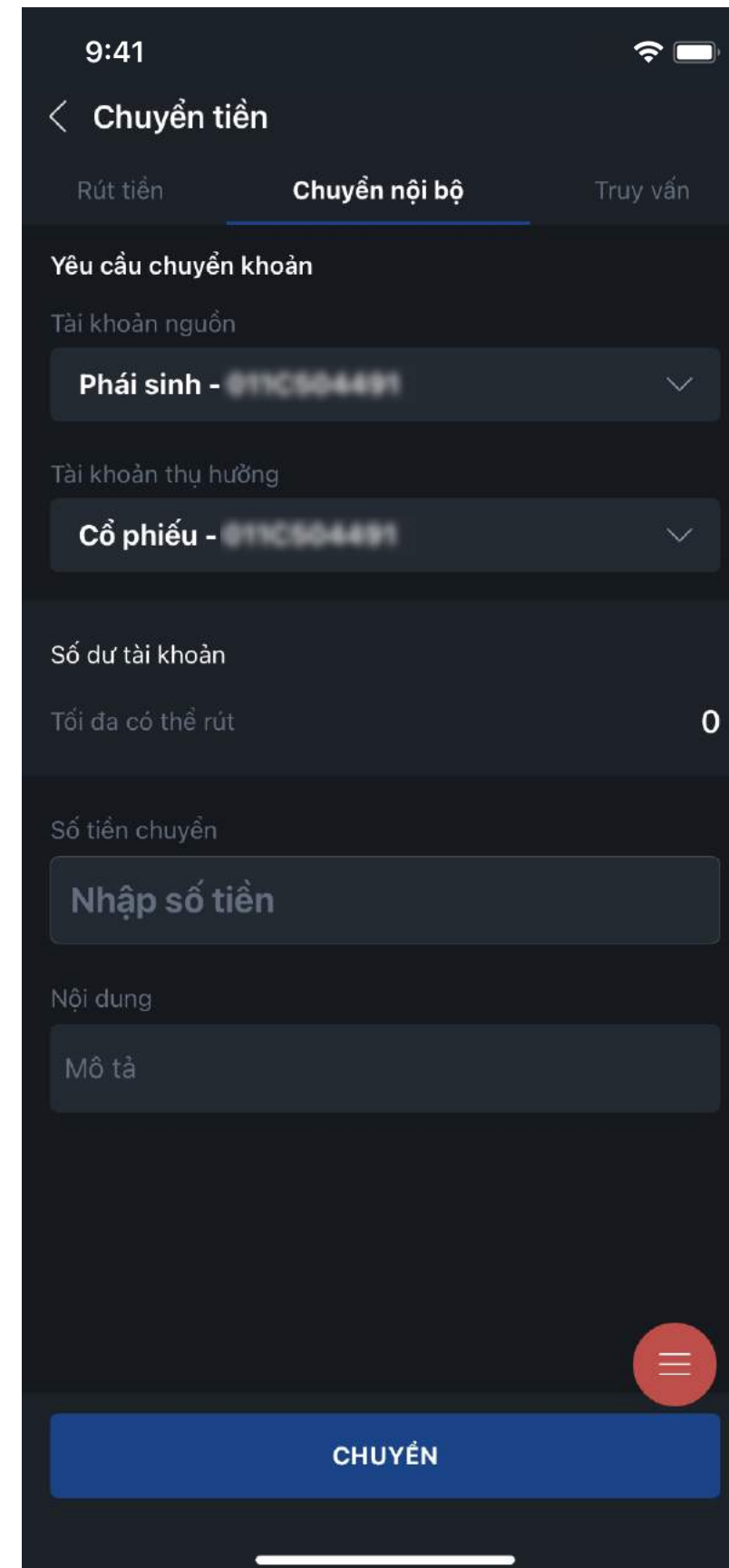
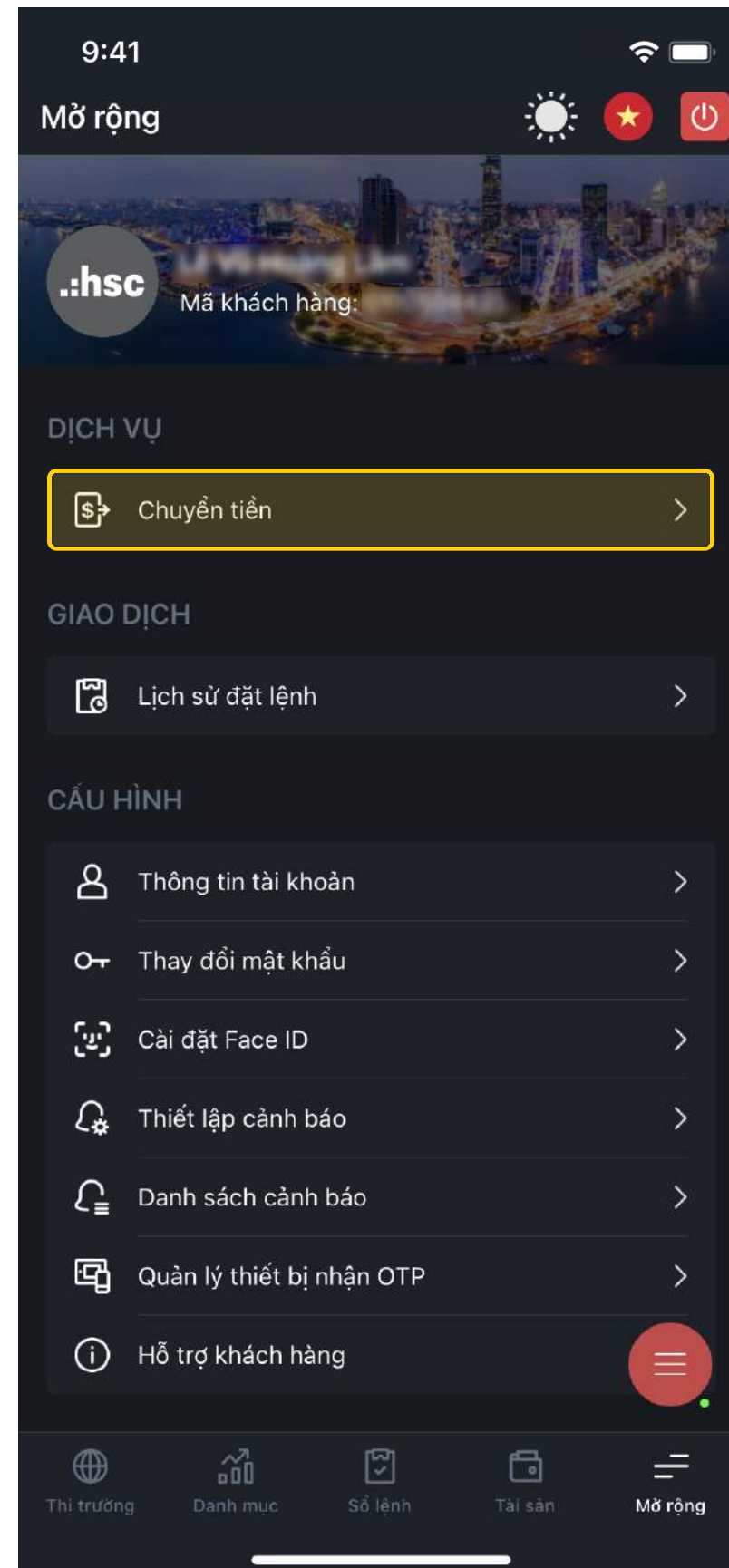
+99%

MUA

BÁN

Lãi / Lỗ

Cung cấp thông tin số dư tiền, giá trị thị trường của danh mục chứng khoán nắm giữ và lãi lỗ tạm tính (tính theo giá khớp cuối)



Giao diện Chuyển tiền

Chọn Mở rộng, nhấn chọn Chuyển tiền để thực hiện Rút tiền, Chuyển tiền nội bộ và Truy vấn.

Tại cột Chuyển tiền nội bộ, có thể thay đổi Tài khoản nguồn và Tài khoản thụ hưởng hiện có để thực hiện lệnh chuyển tiền.

Liên hệ

Mọi thắc mắc, Quý khách hàng vui lòng liên hệ với chúng tôi qua các kênh sau:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

✉ support@hsc.com.vn

☎ (028) 3823 3298 (nhấn phím 0)

📍 Trực tiếp tại văn phòng:

Tầng 2, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, Tòa Nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CHUYÊN VIÊN QUẢN LÝ TÀI KHOẢN CỦA QUÝ KHÁCH